

BÁO CÁO VÀ KIẾN NGHỊ
CỦA HỘI THẢO THƯỜNG NIÊN CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI NĂM 2020
“An ninh nước vì sự phát triển bền vững của Việt Nam”

Ngày 29/10/2020, tại Hà Nội, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) và Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đồng chủ trì tổ chức Hội thảo thường niên các tổ chức xã hội (TCXH) với chủ đề: “An ninh nước vì sự phát triển bền vững của Việt Nam”. Hội thảo có trên 200 đại biểu tham dự, bao gồm: đại diện các cơ quan Quốc hội, Đảng, Chính phủ, Bộ, Ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, TCXH, các chuyên gia, nhà khoa học, địa phương, một số tổ chức quốc tế và phóng viên từ nhiều cơ quan báo chí của Trung ương và Hà Nội.

Tới dự và chủ trì hội thảo thường niên các TCXH năm 2020 có:

- TSKH. Phan Xuân Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- TS. Phạm Văn Tân, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký VUSTA;
- PGS.TS. Hồ Uy Liêm, Chủ tịch Hội đồng quản lý Trung tâm Thông tin Tổ chức phi chính phủ (NGO-IC).

Hội thảo đã có 35 báo cáo nghiên cứu/báo cáo tham luận/ báo cáo tóm tắt ở phiên toàn thể và 3 phiên song song và 33 ý kiến phát biểu.

Hội thảo tập trung thảo luận, đánh giá về thực trạng, thách thức an ninh nước; tầm quan trọng của nước đối với sức khỏe con người và phát triển kinh tế xã hội của đất nước; thực trạng và thách thức của việc cấp nước an toàn. Đồng thời, hội thảo tập trung thảo luận những đề xuất, kiến nghị nhằm bảo đảm an ninh nước vì sự phát triển bền vững của Việt Nam, vì cuộc sống và sức khỏe của mọi người dân trên đất nước Việt Nam đồng thời cũng kiến nghị các giải pháp nhằm tạo môi trường thuận lợi để huy động sự tham gia và đóng góp của các TCXH.

I. An ninh nguồn nước

Theo Ủy ban về Nước của Liên Hợp Quốc, An ninh nguồn nước (ANNN) là: “khả năng của dân cư được tiếp cận an toàn và bền vững với đủ lượng và chất lượng cần thiết để duy trì sinh kế bền vững, đời sống con người và phát triển kinh



tế xã hội đồng thời bảo vệ nguồn nước chống lại ô nhiễm và các thiên tai liên quan đến nước, và bảo tồn các hệ sinh thái trong điều kiện hòa bình và ổn định chính trị". Bảo đảm an ninh nguồn nước có thể hiểu là phải đạt được một hệ thống bền vững về quản trị nguồn nước, về kết cấu hạ tầng ngành nước để cân bằng nguồn nước phục vụ mục tiêu phát triển. Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) an ninh nguồn nước của một quốc gia được đảm bảo khi tiếp cận trên năm khía cạnh: hộ gia đình, nền kinh tế, đô thị, môi trường và khả năng chống chịu với thiên tai liên quan tới nguồn nước.

1. Hiện trạng tài nguyên nước của Việt Nam

Tài nguyên nước là thiết yếu cho cuộc sống của con người là điều kiện tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội. Nước quyết định sự tồn vong của dân tộc, quốc gia. Việt Nam không giàu về nước, có tổng lượng nước mặt khoảng 830-840 tỷ m³/năm, trong đó khoảng 520-525 tỷ m³ (khoảng 63% tổng lượng nước/năm của Việt Nam) sản sinh ở bên ngoài lãnh thổ, nguồn nước nội sinh trên lãnh thổ Việt Nam 310-315 tỷ m³ (37%). Lượng nước mặt bình quân trên đầu người khoảng 8.600 m³ (2019), nếu chỉ tính cho nguồn nước nội sinh, chỉ đạt 3.300 m³ (2019), được đánh giá là thấp so với trung bình ở Đông Nam Á (4.900 m³) và thế giới (4.000m³).¹ Tiềm năng nước dưới đất khá phong phú, với tổng trữ lượng nước dưới đất khoảng 190 triệu m³/ngày, nhưng đây mới chỉ là tiềm năng, còn trữ lượng có thể khai thác vào khoảng 61 triệu m³/ngày, hiện đang khai thác khoảng 11 triệu m³/ngày (chiếm khoảng 17%).²

Tài nguyên nước Việt Nam đang đứng trước thách thức: (1) Nguồn nước phụ thuộc nặng nề vào các quốc gia thượng lưu, có tới 10 lưu vực sông lớn liên quốc gia, với diện tích lưu vực ở nước ngoài gấp 1,5 đến 3 lần phần lưu vực trong nước cùng với việc hợp tác quốc tế giữa các nước có chung nguồn nước chưa hiệu quả; (2) Nguồn nước đang đối mặt với suy thoái và cạn kiệt do ô nhiễm, sử dụng quá mức, sử dụng nước không hiệu quả, lãng phí; (3) Biến đổi khí hậu (BĐKH) diễn biến phức tạp tác động đến tiêu cực đến nguồn nước, hạn hán gia tăng kết hợp với nước biển dâng làm cho tình trạng xâm nhập mặn ở vùng biển ngày càng nghiêm trọng hơn. Thiên tai do nước gây ra hạn hán, lũ lụt, xảy ra với mức độ cũng ngày càng nghiêm trọng gây nên thiệt hại ngày càng lớn cho nền kinh tế, đe dọa cuộc sống bình yên của con người; (4) Ô nhiễm nguồn nước do xả thải không qua xử lý đang ở mức báo động là một trong những nguyên nhân gây nên suy thoái, cạn kiệt gây mất an ninh nước; (5) Quản lý nước còn phân tán và năng lực thực thi pháp luật còn bất cập; (6) Phát triển thủy điện dày đặc, đã và đang gây ra thay đổi lớn cho các hệ thống sông ngòi, sinh thái và môi trường các lưu vực sông thay đổi theo

¹<http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?date=&EventID=0&Page=4>

²<http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?date=&EventID=0&Page=4>

chiều hướng tiêu cực và tiềm ẩn rủi ro rất lớn cho con người và kinh tế như việc xả lũ không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa gây thêm tác động ngập úng hoặc hạn hán ở hạ lưu và sẽ gây ra thảm họa nếu mất an toàn đập; (7) Sự suy kiệt rừng đầu nguồn tác động đến nguồn sinh thủy và là một trong những nguyên nhân gây tình trạng sạt lở đất, lũ quét, lũ ống.

2. Đề xuất, kiến nghị

Những bất cập, thách thức nêu trên đã và đang và sẽ để lại những hậu quả cho sức khỏe con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Bởi vậy, vấn đề bảo đảm an ninh nguồn nước đang được cả xã hội quan tâm và là vấn đề “nóng” được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ mười đưa ra thảo luận và tìm giải pháp khắc phục. Tại hội thảo này, các chuyên gia, nhà khoa học và đại biểu cũng nhận diện những thách thức và đề xuất, kiến nghị một số nội dung nhằm góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, cụ thể như sau:

2.1. Đối với Quốc hội: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, thể chế nhằm bảo đảm quản lý tổng hợp tài nguyên nước cho quốc gia một cách hiệu quả hơn. Nhìn nhận tầm quan trọng của an ninh nước với sức khỏe cộng đồng trước mắt và lâu dài, phát triển kinh tế xã hội phải đi đôi với bảo vệ và quản lý tài nguyên nước.

Xem xét, ban hành 01 Nghị quyết của Quốc hội về an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước trong bối cảnh thảm họa thiên tai và BĐKH.

2.2. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành liên quan

Cần đánh giá toàn diện và khoa học về an ninh nước của quốc gia trên tất cả các khía cạnh (cấp nước cho con người, cho phát triển kinh tế, cho bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai do nước). Xây dựng chiến lược quốc gia về tài nguyên nước của Việt Nam trong điều kiện mới phát triển đất nước và thách thức BĐKH (Chiến lược Tài nguyên nước Việt Nam được xây dựng từ 2006, cần phải xây dựng lại trong bối cảnh mới). Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước qua phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông.

Bổ sung một số văn bản pháp luật liên quan như:

Thứ nhất, về thiếu hụt nguồn nước: Cần thực hiện theo luật Thủy lợi về nhiệm vụ trữ nước và chuyển nước. Chính phủ ban hành Nghị định về giá chuyển nước giữa các tỉnh đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các địa phương, khu vực.

Thứ hai, về sử dụng nước: Cần có Nghị định quy định về lượng nước cho phép các lĩnh vực được sử dụng. Muốn làm được điều này, Bộ Tài nguyên và Môi trường nên lập các trạm đo trên các dòng chính để biết được lượng nước chảy vào nội địa (hoặc phát sinh trong nội địa) và lượng nước chảy ra biển, từ đó sẽ tính được lượng nước được sử dụng bao nhiêu. Sau đó Chính phủ sẽ ban hành định mức lượng nước phân bổ cho các ngành, các địa phương (quản trị nước).

Thứ ba, về chất lượng nước: Cần có Nghị định về cấp phép thải nước với điều kiện nước thải ra trong quá trình sản xuất phải được xử lý, trước khi thải ra nguồn nước chung. Người đứng đầu ngành, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thứ tư, về xã hội hoá việc cấp nước: Cần có Nghị định về việc tham gia đầu tư cung cấp nước, giao người đứng đầu các địa phương chịu trách nhiệm. Giá nước cần có sự tham gia của Bộ Tài chính trước khi ban hành.

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật của hệ thống nhà nước từ trung ương đến địa phương liên quan đến quản lý nước.

Hoàn chỉnh việc xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đồng thời, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra; tăng cường giám sát việc khai thác sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua hình thức giám sát tự động, trực tuyến. Xây dựng hệ thống giám sát, dự báo cảnh báo sớm diễn biến tài nguyên nước các vùng trọng điểm. Có chế tài đủ mạnh để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Nâng cao chất lượng công tác dự báo khí tượng thủy văn, nhất là dự báo các kịch bản BĐKH.

Tăng cường đầu tư hoạt động khoa học công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, hiện đại hóa tạo ra các hạ tầng nước thông minh ứng phó với BĐKH để nâng mức đảm bảo và hiệu quả sử dụng nước của các hệ thống công trình tưới tiêu, cấp thoát nước, công trình phòng chống thiên tai.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định, hướng dẫn về phát triển thủy điện và bảo vệ môi trường dự án thủy điện gắn với công tác phòng chống thiên tai, bão lụt. Tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật- trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý tổng hợp lưu vực sông. Nâng cao chất lượng rà soát quy hoạch, chất lượng thẩm định đối với các dự án thủy điện, trong đó có thẩm định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và kiểm định các hồ đập thủy điện, thủy lợi.

Tăng cường công tác quản lý việc khai thác rừng, trồng rừng thay thế, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc... Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với rừng phòng hộ, rừng nguyên sinh nhằm hạn chế lũ ống, lũ quét và sạt lở đất...

Tăng cường giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức và sự tham gia cả của lãnh đạo địa phương và người dân, của toàn xã hội, các bên liên quan đối với tài nguyên nước của đất nước, với việc quản trị tài nguyên nước quốc gia. Phải xem nước như máu và các dòng sông như mạch máu đối với con người.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước nhằm chia sẻ, sử dụng hợp lý, bền vững nguồn nước tới các quốc gia ở hạ lưu. Cần có sự hợp tác, liên kết giữa các thành phần: Chính phủ, chính quyền cấp tỉnh - Tổ chức xã hội

- Doanh nghiệp - Cơ quan truyền thông trong quản lý, sử dụng, bảo vệ và quản trị nguồn nước.

2.3. Đối với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, VUSTA trong vận động chính sách, giám sát, phản biện xã hội đối với việc chấp hành quy định của pháp luật đảm bảo hiệu quả.

Tăng cường cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu tổng hợp cho quản lý hiệu quả các nguồn nước, các nguồn ô nhiễm, ứng phó tác động của BĐKH.

Các TCXH cần chú trọng đẩy mạnh vai trò vận động chính sách, huy động nguồn lực, tăng cường năng lực, truyền thông thay đổi nhận thức, hành vi. Tăng cường sự tham gia của các TCXH trong việc giám sát, đóng góp vào cơ sở dữ liệu quốc gia, công khai thông tin, thúc đẩy tiếp cận thông tin từ người dân, đại diện tiếng nói người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế ...

Chung tay cùng Nhà nước, các cấp, các ngành sử dụng tiết kiệm nước sạch, không xả chất thải vào môi trường nước, tăng cường phân loại, tái chế, thu gom rác thải /rác thải nhựa... góp phần bảo vệ tài nguyên nước.

II. Cấp nước an toàn: Hiện trạng và tác động của nước đối với sức khỏe con người

1. Hiện trạng cung cấp nước sạch ở Việt Nam

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quan trọng³ để điều chỉnh hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch... và đặc biệt là Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn (QĐ số 1566/QĐ-TTg ngày 9/8/2016). Vì thế, việc cấp nước an toàn trong thời gian qua đã đạt được những kết nhất định, tỷ lệ dân cư được cấp nước tăng lên⁴. Số công trình cấp nước tập trung cũng tăng lên đáng kể.

³ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, NĐ số 124/2011 ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 117; Điều chỉnh Định hướng Phát triển Cấp nước đô thị và khu công nghiệp đến 2025, tầm nhìn 2050 (QĐ 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016) . QĐ số 2147/QĐ-TTg của TTCP ngày 24/11/2010 Chương trình quốc gia chống TTTT nước sạch 2025, Thông tư 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 về hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn. Thông tư số 41/2018/TT-BYT, ngày 14/12/2018 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Văn bản số 5742/BNN-TCTL ngày 13/7/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn gửi UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

⁴ Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước ~89% (tăng 8% so với 2015). Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt: 88,5% (tăng 3,5% so với 2015) có 4 vùng đạt >90% đó là Đồng bằng sông Hồng, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống cấp nước tập trung có 16.573 công trình trong đó có 33,12% công trình hoạt động bền vững, 31,6% công trình hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động. so với 2015 tăng 3,5%. Đến nay có 41/ 63 tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn.

Tuy nhiên, chất lượng nước sạch ở nông thôn chưa đảm bảo, chỉ có 51% nước đạt tiêu chuẩn của bộ Y tế và có tác động, ảnh hưởng đối với sức khỏe của con người. Theo Thống kê của Bộ Y tế, có 7/10 bệnh truyền nhiễm gây dịch có tỷ lệ mắc cao nhất liên quan đến nước, vệ sinh⁵. Mỗi năm, có khoảng 1.100 trẻ em tử vong do tiêu chảy, hơn 100.000 lượt mắc lỵ trực khuẩn, thương hàn. Tỷ lệ nhiễm giun đũa, tóc, móc cao ở học sinh tiểu học ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên (có nơi 85%). Tỷ lệ Suy dinh dưỡng thể thấp còi toàn quốc 23,2%.

Các bệnh liên quan đến ô nhiễm nguồn nước: 10 bệnh truyền nhiễm có tỷ lệ mắc cao nhất (2018): Cúm, các bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, tay chân miệng, thủy đậu, quai bị, bệnh do vi rút Adeno, Lỵ trực trùng, lỵ amip và bệnh sốt rét và tổn thương do nhiễm Asen, tổn thương răng do thiếu Flour...

Vấn đề cấp nước sạch/ cấp nước an toàn (CNAT) trong thời gian qua gặp phải những khó khăn, hạn chế, tồn tại và thách thức sau: (1) Văn bản pháp lý chưa đầy đủ, đồng bộ, chậm sửa đổi, bổ sung; (2) Nước chưa được coi là trọng là hàng hóa đặc biệt. Hoạt động cấp nước nguy cơ mất an toàn cao, do nguồn nước thiếu, nhiễm mặn, hạn hán, mưa lũ, bão, ô nhiễm (do nước thải sinh hoạt, nước thải, chất thải công nghiệp, nông nghiệp, y tế, làng nghề, giao thông, hóa chất diệt cỏ, chất độc hại có trong đất (asen, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật), nước bị nhiễm dầu thải)...; (3) Chất lượng xây dựng công trình, quản lý vận hành, duy tu, duy trì, bảo dưỡng trạm xử lý và đường ống không được quan tâm thực hiện thường xuyên, dẫn đến công trình cấp nước tập trung ở nông thôn chất lượng thấp (31,6% công trình hoạt động kém hiệu quả và không hoạt động), vỡ, rò rỉ đường ống nước. Công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, kiểm soát xả thải... còn nhiều hạn chế; (4) Thảm họa thiên tai, BĐKH ảnh hưởng tới nguồn nước, công trình cấp nước; (5) Chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp cung cấp nước sạch quy mô lớn trong lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn còn chưa được quan tâm. Giá nước sạch hiện nay thấp, không đủ bù chi phí, việc thực hiện bù giá nước khi không đủ chi theo chính sách quy định tại các vùng nông thôn nghèo chưa được các địa phương thực hiện, doanh nghiệp không mặn mà đầu tư vào lĩnh vực CNAT.. (6) Nhận thức của các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị/ doanh nghiệp cấp nước tập trung, cộng đồng về CNAT còn thấp, mới chú ý đến cấp đủ số lượng, ít quan tâm đến chất lượng nước sạch; (7) Việc quản lý các công trình cấp nước hiện tại chưa có quy định cụ thể đơn vị nào là chủ sở hữu tài sản công đối với công trình, đặc biệt các công trình cấp nước nhỏ lẻ, hay vai trò, trách nhiệm của chủ sở hữu và tổ chức quản lý. Thiếu hướng dẫn về tiêu chí lựa chọn, quy định mô hình tổ chức quản lý phù hợp với từng loại hình, quy mô công trình cấp nước nông thôn tập trung mà mới chỉ dừng lại phương thức và ưu tiên đối tượng được chuyển giao,

⁵ cúm, tiêu chảy, sốt xuất huyết, lỵ trực trùng, lỵ amip, tay chân miệng, thủy đậu.

việc ưu tiên chuyển giao chung chung không theo tiêu chí công trình và mô hình tổ chức quản lý khi phân giao.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Quốc hội

- Xây dựng Luật Quản lý cấp nước sạch/ Luật Cấp nước
- Nước là một loại thực phẩm/hàng hóa đặc biệt liên quan đến tính mạng của con người, do vậy cần bổ sung một số quy định về bảo đảm an toàn liên quan đến sản xuất, cung cấp nước sạch trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

2.2. Chính phủ, bộ ngành liên quan

- (1) Xây dựng Chiến lược cấp nước nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn 2040;
- (2) Xây dựng Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn (có 01 chương về cấp nước an toàn);
- (3) Xây dựng tiêu chuẩn, qui chuẩn, tiêu chí đánh giá hệ thống cấp nước an toàn, hướng dẫn về quản lý và kiểm soát rủi ro về chất lượng nước theo các điều kiện của nguồn nước khai thác.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, trong đó tập trung vào các nội dung: Bổ sung đơn vị cấp nước phi kinh doanh (cấp nước vì mục đích dân sinh) để có chính sách công bằng. Hiện tại đơn vị này vẫn tồn tại và đang quản lý các công trình cấp nước nhỏ lẻ vẫn phải chịu như các công ty kinh doanh nước sạch; Bảo đảm an ninh, an toàn sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn nước, nhà máy sản xuất, mạng lưới truyền tải và phân phối nước; rà soát, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm soát việc bảo đảm an toàn nguồn nước, công trình cấp nước trong quá trình thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư cấp nước;...

- Ban hành Kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2020-2025 cho cả khu vực đô thị và nông thôn. Ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị 34/CT-TTg.

- Sửa đổi Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của liên Bộ Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phương pháp xác định giá nước sạch đảm bảo tính đúng, tính đủ. Điều chỉnh giá nước. Bổ sung các chi phí cần thiết liên quan đến bảo đảm an toàn cấp nước. Quy định giá trần nước sinh hoạt tại các khu nhà trọ,...

- Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Quy chuẩn quốc gia QCVN 08, 09 - MT:2015/BTNMT về chất lượng mặt nước và rà soát chặt chẽ việc cấp giấy phép khai thác nước nguyên liệu để sản xuất nước sinh hoạt.

- Bảo vệ chất lượng nguồn nước đầu vào, thông qua các giải pháp: (1) Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Tập

trung xử lý những vi phạm pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả thải vào nguồn nước. (2) Thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đặc biệt các nguồn nước thô cung cấp chủ yếu cho các nhà máy nước sạch. (3) Lập hành lang bảo vệ nguồn nước, xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước khai thác đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm cấp nước an toàn. (4) Quản lý thông qua các hệ thống quan trắc tự động phối hợp với thanh tra, kiểm tra đột xuất, tăng cường quan trắc chất lượng nước tại địa phương.

- Đối với công trình, hệ thống cấp nước sạch: (1) Rà soát, đánh giá chi tiết, thực trạng các công trình, hệ thống cấp nước sạch đặc biệt cấp nước nông thôn, phân loại công trình đủ hoặc không đủ điều kiện nâng cấp, mở rộng; Xây dựng danh mục các dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng cấp nước sạch nông thôn. (2) Đầu tư xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình từ nguồn nước, xử lý nước đến mạng lưới đường ống với các trang thiết bị tiên tiến, từng bước hiện đại hóa, tự động hóa hệ thống cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn.

- Nghiên cứu, đẩy mạnh đưa khoa học công nghệ vào lĩnh vực CNAT: (1) Tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ứng dụng trong hoạt động cấp nước sinh hoạt; (2) Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với từng vùng khí hậu; xây dựng hệ thống thu, trữ và điều tiết nước; (3) Nghiên cứu các giải pháp bổ cấp nước ngầm hướng tới tạo nguồn nước dự phòng chiến lược trong trường hợp xảy ra sự cố về nguồn nước mặt, hệ thống cấp nước và BĐKH; (4) Ứng dụng công nghệ thông minh, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; (5) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cấp nước an toàn.

- Tiếp tục đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, nâng cao năng lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống cấp nước bảo đảm cấp nước an toàn cho đơn vị cấp nước. Đào tạo cán bộ trực tiếp quản lý lĩnh vực cấp nước trong việc tổ chức quản lý thực hiện cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn.

- Cần có chiến lược, chương trình truyền thông trên phạm vi cả nước. Tổ chức tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát chất lượng nước cấp tại tất cả các khâu: bảo vệ nguồn nước, hệ thống xử lý nước sạch, mạng lưới đường ống cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ, đặc biệt là đầu tư nâng cấp mạng lưới đường ống cấp nước.

2.3. Đối với UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

- Triển khai thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đã nêu ở trên. Đặc biệt là việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch. Xây dựng

kế hoạch cấp nước an toàn (đối với những tỉnh/ thành phố chưa có) và thực hiện nghiêm túc kế hoạch CNAT.

- Bố trí kinh phí hàng năm cho công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị xét nghiệm cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) đủ khả năng thực hiện xét nghiệm chất lượng nước đạt chuẩn ISO 17025.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng nước sạch (đơn vị cấp nước, các khu chung cư, đô thị, trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện...).

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng, chính quyền các cấp, các ban ngành, đoàn thể và các đơn vị cấp nước về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch. Công bố rộng rãi chất lượng nước của các đơn vị cấp nước trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người dân biết và giám sát.

- Chỉ đạo các đơn vị cấp nước, các đơn vị quản lý các công trình cấp nước tập trung thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn về vệ sinh nguồn nước theo quy định, phối hợp với các đơn vị chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát vệ sinh và chất lượng nguồn nước.

2.4. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các TCXH

- Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận tổ quốc, các TCXH và cộng đồng đảm bảo thực thi chính sách hiệu quả.

- Chủ động nâng cao năng lực, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho thành viên, hội viên về vai trò, ý nghĩa, tác dụng của nước sạch đối với sức khỏe của con người, môi trường sinh thái và phát triển kinh tế xã hội để từ đó thay đổi nhận thức, hành vi chung tay bảo vệ nguồn nước sạch và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

III. Môi trường pháp lý cho phát triển các tổ chức xã hội

1. Thông tin chung về tổ chức xã hội

TCXH ở nước ta được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, là tổ chức ngoài nhà nước; hoạt động theo nguyên tắc: tự nguyện, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm (thường gọi là 4 tự); có tư cách pháp nhân, hoặc không có tư cách pháp nhân và hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Hiện nay, các tổ chức này

phát triển mạnh mẽ cả về số lượng⁶ và chất lượng, đã có đóng đáng kể trên nhiều lĩnh vực⁷.

2. Khó khăn, rào cản, thách thức trong quá trình thành lập và hoạt động của TCXH

Trong thời gian qua, các TCXH đã cố gắng, nỗ lực hoạt động và có những đóng góp quan trọng góp phần phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, TCXH còn gặp phải những khó khăn, rào cản và bất cập sau: (1) Khung pháp lý chưa rõ ràng và chưa hoàn thiện; (2) Tài chính không bền vững, khó tiếp cận nguồn ngân sách nhà nước, dựa nhiều vào nguồn tài trợ quốc tế, bởi: TCXH không được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước (chỉ có các tổ chức chính trị- xã hội và hội đặc thù được Nhà nước cấp hoặc hỗ trợ kinh phí), rất ít được nhà nước giao nhiệm vụ hoặc nhận chuyển giao dịch vụ công); nguồn tài trợ nước ngoài đang giảm dần, cơ chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ với thủ tục rườm rà và thời gian phê duyệt kéo dài gây khó khăn, trở ngại. Nguồn từ các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội cũng chưa sẵn sàng hỗ trợ các TCXH; (3) Chính sách thuế chưa có khung thuế cho khu vực phi lợi nhuận; (4) Năng lực, nguồn lực của các TCXH với quy mô nhỏ và còn hạn chế; khả năng liên kết, hợp tác giữa các TCXH với nhau và giữa TCXH với các cấp, các ngành và với đối tác còn hạn chế và bất cập; (5) Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vị trí, vai trò và những đóng góp của TCXH nhiều hạn chế.

Đặc biệt là trong năm 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hàng loạt văn bản liên quan đến thẩm định, phê duyệt dự án; quản lý, sử dụng kinh phí viện trợ và tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế như: Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020; Quyết định 06/2020/QĐ-TTg, ngày 21/ 02/2020. Tuy thời, gian thực hiện 3 văn bản trên mới ra đời được vài tháng nhưng đã bộc lộ nhiều bất cập, khó khăn như: (1) Với Nghị định số 56/2020/NĐ-CP: hạn chế quyền tiếp nhận viện trợ ODA của các tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; thủ tục giải ngân các dự án ODA khá phức tạp; những dự án triển khai trên nhiều địa bàn sẽ gặp khó khăn và nguy cơ chậm tiến độ và ảnh hưởng đến chất lượng dự án; (2) Với Nghị định 80/2020/NĐ-CP: quy định trong quá trình thẩm định dự án bắt buộc phải xin ý kiến 4 đến 5 bộ ngành, gây nguy cơ

⁶ Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, tháng 8/2019: Tổng số Hội trong cả nước là 70.491 hội, trong đó có 530 hội có phạm vi hoạt động trong cả nước và 69.961 hội hoạt động trong phạm vi địa phương. Theo báo cáo của bộ KH&CN, đến tháng 12/2019, có tổng số 4.258 tổ chức KH&CN có phạm vi hoạt động toàn quốc, đăng ký tại Bộ KH&CN có 2.137 tổ chức; đăng ký tại sở KH&CN có 2.121 tổ chức. Trong số đó có 2.293 tổ chức KH&CN ngoài công lập; Trung ương có: 1.080 tổ chức; địa phương có: 2.121 tổ chức. Riêng hệ thống VUSTA có 89 Hội KHKT ngành toàn quốc, 63 Liên hiệp Hội cấp tỉnh và 530 tổ chức KH&CN trực thuộc.

⁷ Xoá đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng; Bảo vệ Môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, phòng chống HIV-AIDS; Bình đẳng giới- công bằng xã hội; Nhân đạo, từ thiện...thông qua các hoạt động bao gồm: cung cấp dịch vụ: Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ; Nghiên cứu khoa học, Tư vấn và vận động chính sách; Phát triển sinh kế đối với các hoạt động xoá đói giảm nghèo và hỗ trợ những nhóm dễ bị tổn thương; Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế; Giám sát việc thực thi chính sách pháp luật của nhà nước và Hợp tác quốc tế..

kéo dài thời gian phê duyệt; thêm các gánh nặng về hành chính cho bên đơn vị tiếp nhận viện trợ, nên có thể ảnh hưởng đến tiến độ phê duyệt và triển khai và chất lượng thực hiện dự án; (3) Theo Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg, tổng thể dự án (trong giai đoạn thẩm định trước khi phê duyệt đã phải xin phép và được sự đồng ý của 4-5 bộ ngành liên quan) đã được phê duyệt, nhưng lại tiếp tục xin phép cho từng hoạt động nếu đó là hội thảo, hội nghị. Với quy định này đã gây phiền hà, tốn kém thời gian, nguồn lực của cả hai phía là cơ quan quản lý nhà nước và các TCXH; đi ngược lại với cải cách hành chính, làm chậm tiến độ triển khai dự án.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Đối với Quốc hội:

- Sớm ban hành Luật về Hội, tạo điều kiện thông thoáng cho việc thành lập và hoạt động của các hội; tạo điều kiện để trí thức, người Việt Nam ở nước ngoài có thể tham gia và đóng góp cho phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

- Sửa Luật Ngân sách, và các văn bản pháp lý liên quan, tạo sự bình đẳng giữa các hội trong việc tiếp cận nguồn ngân sách nhà nước thông qua dịch vụ công, đặc biệt trong hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc dịch vụ khoa học khác.

- Sửa Luật Thuế (Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN) theo hướng xây dựng khung thuế riêng cho các TCXH hoạt động phi lợi nhuận.

3.2. Đối với Chính phủ và các bộ, ngành liên quan

- Sửa đổi, hướng dẫn thực hiện các Nghị định 56/2020/NĐ-CP, Nghị định 80/2020/NĐ-CP và Quyết định 06/2020/QĐ-CP theo hướng giảm thủ tục hành chính, cần đơn giản hóa thủ tục nhận hỗ trợ quốc tế phát huy năng lực và sức sáng tạo của các tổ chức, các nhà khoa học trong việc huy động nguồn tài trợ và hợp tác quốc tế.

- Xây dựng chính sách về thuế đối với các tổ chức xã hội. Có khung chính sách dành cho các tổ chức này, có hướng dẫn hoàn thuế cho các nguồn tài trợ quốc tế. Cần xây dựng khung thuế cho khu vực phi lợi nhuận.

- Thúc đẩy chuyên giao dịch vụ công cho các TCXH.

3.3. Đối với VUSTA

Đẩy mạnh vai trò là cơ quan chủ quản, tổ chức chính trị - xã hội của trí thức KH&CN Việt Nam; là cầu nối với Đảng, Chính phủ và Quốc hội; các bộ ngành; địa phương và TCXH để tạo môi trường pháp lý thuận lợi nhằm huy động sự tham gia của các TCXH, của các nhà khoa học; Tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực cho các TCXH, đồng thời tuyên truyền, giới thiệu, nâng cao hình ảnh về vai trò và đóng góp của các TCXH.

3.4. Đối với TCXH

Tăng cường sự kết nối và nâng cao năng lực các TCXH để tạo uy tín, thương hiệu, thu hút nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững, đáp ứng các yêu cầu cung ứng dịch vụ công; Chủ động hợp tác, liên kết để tập hợp chuyên gia, nhà khoa học chuyên sâu, tăng cường tiếng nói, nguyện vọng của cộng đồng để đóng góp và xây dựng chính sách, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đóng góp cho sự phát triển của Việt Nam.

TH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban KH, CN & MT của Quốc hội;
- Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ban Dân vận Trung ương;
- UBTWMTTQVN;
- Các Bộ: Y tế; Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và PTNT; Công thương; Xây dựng; Tư pháp; Tài chính;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch VUSTA;
- Một số TCXH, PHAD;
- Lưu: VT, NGO-IC, TCCSH.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG
PHÓ CHỦ TỊCH KIỂM TÒNG THƯ KÝ**



Phạm Văn Tân